

DANH MỤC THUỐC				
Tên thuốc/Tên thành phần của thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn giá
Aciclovir 200mg	Aciclovir	200mg	Uống	404
Adclovir 5%	Aciclovir	5% - 5g	Dùng ngoài	4,050
Thelizin	Alimemazin (dưới dạng Alimemazin tartrat)	5mg	Uống	87
Kavasdin 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	5mg	Uống	106
Klamentin 875/125	Amoxcillin + Acid clavulanic	875mg +125mg	Uống	4,700
Augbidil	Amoxicilin + acid clavulanic	1g + 200mg	Tiêm	28,497
Midagentin 250/31,25	Amoxicilin + Acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Uống	1,037
Atropin sulfat	Atropin sulfat	0,25mg/ml, 1ml	Tiêm	500
Biosubtyl-II	Bacillus subtilis	10 ⁷ -10 ⁸ CFU	Uống	1,500
Hayex	Bambuterol hydroclorid	10mg	Uống	1,700
Benzylpenicillin 1.000.000 IU	Benzylpenicilin	1.000.000 UI	Tiêm	3,310
SaVi Prolol 5	Bisoprolol	5 mg	Uống	385
Carbocistein tab DWP 500mg	Carbocistein	500mg	Uống	1,680
Calcium Hasan 250mg	Calci carbonat + calci gluconolactat	150mg + 1470mg	Uống	1,785
Meza-Calci D3	Calci carbonat; Vitamin D3	750mg; 200 IU	Uống	819
Calci clorid 500mg/ 5ml	Calci clorid dihydrat	500mg/ 5ml	Tiêm	838
IMEXIME 50	Cefixim	50mg	Uống	5,000
Cefuroxime 125mg	Cefuroxim	125mg	Uống	1,613
Celecoxib	Celecoxib	200mg	Uống	355
Kacerin	Cetirizin dihydroclorid	10mg	Uống	70
Clorpheniramin 4mg	Chlorpheniramine maleat	4mg	Uống	39
Cinnarizin	Cinnarizin	25mg	Uống	80
Ciprofloxacin	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	500mg	Uống	620
Aminazin 1,25%	Clorpromazin	25mg/2ml	Tiêm	2,100
Terpincold	Codein + Terpin hydrat	15mg + 100mg	Đường uống	610

Colchicin	Colchicin	1mg	Uống	285
Cồn Boric 3%	Cồn boric	3%, 10ml	Nhỏ tai	6,300
Dexamethasone	Dexamethason	4mg/ 1ml	Tiêm	780
DEXTROMETHORPHAN 15	Dextromethorphan	15mg	Uống	158
Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	Diazepam	10mg/2ml	Tiêm	8,800
Diclofenac	Diclofenac	75mg/3ml	Tiêm	860
DIGOXINEQUALY	Digoxin	0,25mg	Uống	650
Dacolfort	Diosmin + hesperidine	450mg+ 50mg	Uống	840
Dimedrol	Diphenhydramin	10mg/1ml	Tiêm	550
Cezmeta	Diosmectit	3g	Uống	800
Domperidon	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleate)	10mg	Uống	70
VACODROTA 80	Drotaverin clohydrat	80mg	Uống	446
Erythromycin	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin stearat)	500mg	Uống	1,440
Dofluzol 5mg	Flunarizin	5 mg	Uống	436
Gentamicin 0,3%	Gentamicin	0.3%,5ml	Nhỏ mắt	2,027
Melanov-M	Gliclazid + Metformin	80mg + 500mg	Uống	3,850
Comiaryl 2mg/500mg	Glimepirid + Metformin hydroclorid	2mg + 500mg	Uống	2,499
Glimepiride 2mg	Glimepiride	2mg	Uống	152
Glucosamin	Glucosamin hydroclorid (trương đương Glucosamin 415mg)	500mg	Uống	270
GLUCOSE 10%	Glucose	10%-500 ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	9,996
Glucose 5%	Glucose (Dextrose)	Glucose (Dextrose) 5%	Tiêm truyền	8,080
Oresol new	Glucose + Natri clorid + Tri natri citrat + Kali clorid	2,7g + 0,52g + 0,509g + 0,3g	Uống	1,050
Nitromint	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	0,08g/10g	Khí dung	150,000
Novorapid FlexPen	Insulin aspart (rDNA)	300U/3ml	Tiêm	200,000
Nadecin 10mg	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Uống	2,600
LACBIOSYN®	Lactobacillus acidophilus	10^8CFU	Uống	1,449
ACRITEL-10	Levocetirizin	10mg	Uống	2,990

Lidocain	Lidocain hydroclodrid	10% - 38g	Dùng ngoài	159,000
Losartan	Losartan kali	50mg	Uống	206
Savi Losartan plus HCT 50/12,5	Losartan + Hydrochlorothiazid	50mg + 12,5mg	Uống	1,480
Lovastatin DWP 10mg	Lovastatin	10 mg	Uống	1,260
Hamigel-s	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800,4mg +3058,83mg + 80mg/10ml	Uống	3,486
AQUIMA	Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa: Nhôm hydroxyd gel khô (tương đương Nhôm hydroxyd); Magnesi hydroxyd (dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30% 1.333,34 mg); Simethicon (dưới dạng simethicon emulsion 30% 166,66mg)	460mg (351,9mg)/10ml; 400mg/10ml; 50mg /10ml	Uống	3,300
Gelactive	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	400mg+300mg, 10ml	Uống	2,499
MAGNESI SULFAT KABI 15%	Magnesi sulfat	15%, 10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	2,900
Glucofine 500 mg	Metformin hydroclorid	500mg	Uống	242
Vincomid	Metoclopramid	10 mg/2ml	Tiêm	1,028
MIFE 200	Mifepristone	200mg	Uống	53,000
Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	Morphin	10mg/1ml	Tiêm	7,000
Acetylcystein	Acetylcystein	200mg	Uống	220
VACOMUC 200	N-acetylcystein	200mg	Uống	482
NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9% -1000ml	Dùng ngoài	10,080
NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9%, 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	8,505
Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/10ml	Nhỏ mắt, mũi	1,320
Oremute 5	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan + kẽm	520mg + 300mg + 580mg + 2700mg + 5mg	Uống	2,750
Oresol	Glucose khan + Natri clorid + Tri natri citrat khan + Kali clorid	20g + 3,5g + 2,545g + 1,5g	Uống	1,491

NATRI BICARBONAT 1,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	1,4%, 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	32,000
Valygyno	Neomycin +Nystatin +Polymicin B	35.000IU +100.000IU + 35.000IU	Đặt âm đạo	3,990
Neostigmine- hameln 0,5mg/ml Injection	Neostigmine metilsulfate	0,5mg/ml	Tiêm	12,800
Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Uống	1,995
Noradrenalin	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	1 mg/1 ml	Tiêm	25,750
Nước oxy già 3%	Nước oxy già	3%,60ML	Dùng ngoài	1,800
NYSTATIN 25000IU	Nystatin	25.000UI	Bột đánh tưa lưỡi	1,110
Ofloxacin	Ofloxacin	200mg	Uống	375
Kagasdine	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5%)	20mg	Uống	145
Omevin	Omeprazole	40mg	Tiêm	6,258
PARACETAMOL KABI 1000	Paracetamol (acetaminophen)	1g/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	13,650
Biragan 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Đặt hậu môn	1,764
Biragan Kids 325	Paracetamol (acetaminophen)	325mg	Uống	1,890
Panactol Codein plus	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	500mg + 30mg	Uống	580
Vinphyton 1mg	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1 ml	Tiêm	1,050
Piracetam	Piracetam	400mg	Uống	280
Promethazin 2%	Promethazin hydroclorid	2%, 10g	Dùng ngoài	6,100
Pipolphen	Promethazin hydroclorid	50mg/2ml	Tiêm	15,000
Fresofol 1% Mct/Lct	Propofol	1%, 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	26,800
RINGER LACTATE	Ringer lactat	500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	7,980
Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium bromide	10mg/ml	Tiêm hoặc Truyền tĩnh mạch	47,500
Rotundin 60	Rotundin	60mg	Uống	599
Ventolin Nebules	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	2,5mg/ 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	4,575
Buto-Asma	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfate)	100mcg/liều	Đường hô hấp	51,000

Ventolin Nebules	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 5 mg	5mg/ 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	8,513
Bidiferon	Sắt sulfat+ Acid Folic	50mg + 350mcg	Uống	441
Femancia	Sắt Fumarat + Acid folic	305mg; 350mcg	Uống	609
Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Uống	500
PRUNITIL	Telmisartan; Hydrochlorothiazide	40mg + 12,5mg	Uống	520
Tobramycin 0,3%	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	15mg/ 5ml	Nhỏ mắt	2,719
TOBCOL - DEX	Tobramycin + Dexamethason	15mg + 5mg; 5ml	Nhỏ mắt	6,675
Tinidazol	Tinidazol	500mg	Uống	400
Vitamin A 5000 IU	Vitamin A	5000UI	Uống	283
Vitamin B1	Thiamin nitrat	250mg	Uống	240
Neutrifore	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	1,197
Vitamin B6	Pyridoxin hydroclorid	250mg	Uống	240
Magnesi-B6	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxin hydroclorid	470mg + 5mg	Uống	147
Vitamin C	Acid Ascorbic	500mg	Uống	170
Vitamin E	Vitamin E	400UI	Uống	450
Vitamin PP	Nicotinamid	500mg	Uống	210

DANH MỤC GÓI DƯỢC LIỆU				
Tên thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn giá
Cynaphytol	Actiso	Cao khô actiso (tương đương với 4g lá tươi actiso) 0,16g	Uống	460
Kahagan New	Cao đặc Actiso; Cao đặc Rau đắng đất; Cao đặc Bìm bìm	100mg; 75mg; 7,5mg	Uống	238
Dưỡng cốt hoàn	Cao xương hỗn hợp/Cao bản quy; Hoàng bá; Tri mẫu; Trần bì; Bạch thược; Can khương; Thực địa.	0,75g + 2,4g + 0,3g + 0,6g + 0,6g + 0,15g + 0,6g	Uống	2,500
Hoạt huyết dưỡng não	Đinh lăng,Bạch quả, (Đậu trương)	150mg,10mg	Uống	175

Bổ huyết ích não BDF	Cao khô đương quy (tương đương Rễ Đương quy khô 600mg)+ Cao khô bạch quả (tương đương lá bạch quả 1,6g)	300mg+ 40mg	Uống	1,498
Phong thấp Khải Hà	Độc hoạt 0,4 g; Phòng phong 0,3g; Tang ký sinh 0,5g; Tế tân 0,2g; Tần giao 0,2g; Ngưu tất 0,3g; Đỗ trọng 0,3g; Quế chi 0,2g; Xuyên khung 0,15g; Sinh địa 0,3g; Bạch thược 0,3g; Đương quy 0,2g; Đảng sâm 0,3g; Bạch linh 0,3g; Cam thảo 0,15g	0,4g; 0,2g; 0,3g; 0,2g; 0,2g; 0,15g; 0,2g; 0,3g; 0,5g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,15g; 0,3g	Uống	1,950
Kim tiền thảo HT	Cao khô Kim tiền thảo	Cao khô Kim tiền thảo (tương đương với 1200mg Kim tiền thảo) 120mg	Uống	180
Hoastex	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	(45g + 11.25g + 83.7mg)/90ml	Uống	35,600
Cồn xoa bóp 90	Ô đầu; Địa liên; Đại hồi; Quế chi; Thiên niên kiện; Huyết giác; Camphora; Riềng	Mỗi 50ml chứa: Địa liên 2,5g; Riềng 2,5g; Thiên niên kiện 1,5g; Huyết giác 1,5g; Đại hồi 1g; Quế chi 1g; Ô đầu 0,5g; Camphor 0,5g	Dùng ngoài	23,100